

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ VÀ IN NÔNG NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: **85** CV/ CBTT  
V/v: công bố thông tin BCTC Quý 2/2015

Hà Nội, ngày **04** tháng 8 năm 2015

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước.  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Công ty : CTCP Bao bì và In nông nghiệp.
2. Mã chứng khoán : INN.
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 72 - Trường Chinh - P.Phương Mai - Q.Đống Đa - TP. Hà Nội.
4. Điện thoại : 043.684.0095 Fax : 043.684.0095.
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ông Vũ Hồng Tuyền - PCT.HĐQT - PTGD.CTY
6. Nội dung thông tin công bố :  
Báo cáo tài chính (riêng) Quý 2/2015 - CTCP Bao bì và In nông nghiệp, bao gồm:
  - Bảng cân đối kế toán Quý 2 ( tại ngày 30/6/2015 ).
  - Báo cáo kết quả sản xuất - kinh doanh Quý 2/2015.
  - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 2/2015.
  - Thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2/2015..
  - Giải trình Lãi Quý 2/2015.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính : <http://www.apprintco.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. *J*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC-NS; Thư ký Cty.

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT  
**PCT.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
  
Vũ Hồng Tuyền



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY  
Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội  
Tel: (84.4) 36840095 Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa  
Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695605  
Website: www.appprintco.com  
Email: info@appprintco.com

Số: 84 /CV-TCKT

(VV: Giải trình lãi Q2/ 2015)

Hà nội, ngày 17 tháng 7 năm 2015

**Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

Công ty cổ phần bao bì và in nông nghiệp, địa chỉ: 72 Đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Hà nội, được thành lập và hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 0103004779 ngày 02/7/2004 của Sở kế hoạch đầu tư Hà nội, sửa đổi lần 2 ngày 29/5/2008, sửa đổi lần 3 ngày 23/11/2012 chuyển mã số doanh nghiệp thành: 0101508664, sửa đổi lần 4 ngày 18/8/2014 thay đổi vốn điều lệ thành 108.000.000.000 đồng. Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà nội cấp giấy phép số 03/GCNSGDHN ngày 8/1/2010, mã chứng khoán INN

Chúng tôi đã gửi Báo cáo Tài chính quý 2 năm 2015 đến Sở giao dịch theo đúng quy định. Trong báo cáo quý 2 năm 2015, kết quả kinh doanh cụ thể như sau:

Lãi sau thuế quý 2 năm 2014: 9.481.439.671 đ

Lãi sau thuế quý 2 năm 2015: 12.360.632.773 đ .

So với lãi quý 2 năm 2014, lãi quý 2 năm 2015 tăng: 2.879.193.102 đồng tương ứng 30% lãi quý 2 năm 2014

**Nguyên nhân cơ bản:**

- Công ty con chuyển lợi nhuận về Công ty mẹ 2.700.000.000 đồng.

Chúng tôi xin làm công văn giải trình để Quý Sở được biết.

Trân trọng cảm ơn!

**TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



**NGUYỄN THÀNH NAM**

Nơi gửi: - Như trên  
- Lưu Văn phòng



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>160,481,837,605</b>	<b>157,896,463,511</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>9,616,440,783</b>	<b>24,774,178,756</b>
111	1. Tiền	1	9,616,440,783	24,774,178,756
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>84,929,074,095</b>	<b>84,720,575,833</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		67,504,898,425	80,185,992,738
132	2. Trả trước cho người bán		17,144,087,365	4,536,838,228
136	6. Các khoản phải thu khác		598,304,435	315,960,997
139	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-318,216,130	-318,216,130
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>65,823,622,727</b>	<b>44,900,427,390</b>
141	1. Hàng tồn kho	2	65,823,622,727	44,900,427,390
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>112,700,000</b>	<b>3,501,281,532</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn			834,600,632
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		112,700,000	2,666,680,900
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>168,544,619,569</b>	<b>181,451,796,731</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>			
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>128,056,571,418</b>	<b>144,686,646,002</b>
221	1. TSCĐ hữu hình	3	128,056,571,418	144,686,646,002
222	- Nguyên giá		320,934,948,254	309,742,319,275
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		-192,878,376,836	-165,055,673,273
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>			
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2,170,218,182</b>	<b>1,688,400,000</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4	2,170,218,182	1,688,400,000
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	5	<b>32,400,000,000</b>	<b>32,400,000,000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		32,400,000,000	32,400,000,000
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>5,917,829,969</b>	<b>2,676,750,729</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	3,073,665,469	2,676,750,729
268	3. Tài sản dài hạn khác		2,844,164,500	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270=100+200)		<b>329,026,457,174</b>	<b>339,348,260,242</b>





## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

### Quý 2 năm 2015

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2-2015	Quý 2-2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	149,296,728,505	140,786,827,978	331,753,339,211	285,312,876,101
02	2. Các khoản giảm trừ	16	47,809,850	134,997,340	155,407,518	154,086,849
06	+ Hàng bán bị trả lại		47,809,850	134,997,340	155,407,518	154,086,849
10	3. Doanh thu thuần về BH và c/c DV (10=01-02)	17	149,248,918,655	140,651,830,638	331,597,931,693	285,158,789,252
11	4. Giá vốn hàng bán	18	124,759,828,344	117,132,359,806	280,969,536,349	241,862,287,985
20	5. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV (20=10-11)		24,489,090,311	23,519,470,832	50,628,395,344	43,296,501,267
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	2,768,042,842	178,548,915	3,717,666,109	1,836,854,786
	<i>Trong đó: Lợi nhuận Cty con chuyển về</i>		2,700,000,000		3,510,000,000	1,620,000,000
22	7. Chi phí tài chính	20	1,285,432,944	1,553,442,515	1,641,534,621	1,999,124,880
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1,261,326,972	1,455,362,087	1,606,722,730	1,901,044,452
24	8. Chi phí bán hàng		970,346,466	916,454,979	2,439,728,452	1,827,761,557
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		9,984,877,111	9,100,645,367	20,010,027,038	18,104,606,061
30	10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}		15,016,476,632	12,127,476,886	30,254,771,342	23,201,863,555
31	11. Thu nhập khác		68,950,000	28,215,000	673,764,546	2,213,750,000
32	12. Chi phí khác				0	1,696,500,000
40	13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		68,950,000	28,215,000	673,764,546	517,250,000
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		15,085,426,632	12,155,691,886	30,928,535,888	23,719,113,555
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21	2,724,793,859	2,674,252,215	6,032,077,895	4,861,804,982
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại				0	0
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN (60=50-51-52)		12,360,632,773	9,481,439,671	24,896,457,993	18,857,308,573
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)		1,144.5	1,170.5	2,305.2	2,328.1

Hà nội ngày 15 tháng 7 năm 2015

Lập biểu



Đào Thu Hoài

Kế toán trưởng



Tạ Phi Tuyết Nga

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THÀNH NAM

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****6 tháng đầu năm 2015**

Ma số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2-2015	Quý 2-2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>					
01	dịch vụ và doanh thu khác		172,274,847,831	174,099,875,557	364,041,626,795	306,289,485,278
02	HH và dịch vụ		-84,288,914,501	-96,049,314,808	-225,471,364,796	-179,065,303,420
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		-10,485,652,144	-7,959,831,228	-37,349,722,963	-28,083,487,018
04	4. Tiền chi trả lãi vay		-508,186,772	-777,636,087	-853,582,530	-1,221,568,452
05	5. Tiền chi nộp thuế TNDN		-2,520,637,393	-1,138,952,767	-8,784,828,131	-7,884,686,474
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		607,920,831	26,139,865,201	2,849,462,862	29,147,368,152
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động SXKD		-14,499,746,428	-44,314,332,460	-31,678,423,148	-74,298,837,910
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX-KD</b>		<b>60,579,631,424</b>	<b>49,999,673,408</b>	<b>62,753,168,089</b>	<b>44,882,970,156</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
21	TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-13,421,771,424	-24,515,119,862	-21,779,056,424	-41,546,844,862
22	TSCĐ và các TS dài hạn khác				0	
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác				0	
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC				0	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				0	
26	6. Tiền thu hồi ĐT góp vốn vào đơn vị khác				0	
27	7. Thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia			37,100,623	893,209,898	614,517,102
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư</b>		<b>-13,421,771,424</b>	<b>-24,478,019,239</b>	<b>-20,885,846,526</b>	<b>-40,932,327,760</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính</b>					
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu				0	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại c/phiếu đã p/hành			-31,780,000	0	-31,780,000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		5,360,000,000	60,967,998,880	45,805,460,682	126,047,168,070
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		-46,347,817,032	-57,180,575,474	-82,126,786,584	-105,629,577,175
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính				0	
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-20,606,137,541	-21,175,000	-20,703,733,634	-16,232,625,000



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**6 tháng đầu năm 2015**

Ma số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 2-2015	Quý 2-2014	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
40	Lưu chuyển tiền thuần từ Hoạt động tài chính		-61,593,954,573	3,734,468,406	-57,025,059,536	4,153,185,895
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		-14,436,094,573	29,256,122,575	-15,157,737,973	8,103,828,291
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		24,052,535,356	7,471,011,775	24,774,178,756	28,623,306,059
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		9,616,440,783	36,727,134,350	9,616,440,783	36,727,134,350

Hà Nội ngày 15 tháng 7 năm 2015

Lập biểu



Đào Thị Thu Hoài

Kế toán trưởng



Tạ Thị Tuyết Nga



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THÀNH NAM



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
BAO BÌ & IN NÔNG NGHIỆP**

AGRICULTURE PRINTING AND PACKAGING JOINT STOCK COMPANY  
Nhà Máy: Lô 3 CN3-KCN Ngọc Hồi Thanh Trì - Hà Nội  
Tel: (84.4) 36840095 Fax: (84.4) 36840095

Trụ sở: 72 Đường Trường Chinh - Đống Đa  
Hà Nội - Việt Nam  
Tel: (844) 38695605 - Fax: (844) 38695601  
Website: [www.appprintco.com](http://www.appprintco.com)  
Email: [info@appprintco.com](mailto:info@appprintco.com)

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2015

## I-ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 686/QĐ/BNN - TCCB ngày 22/03/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004779 ngày 02/07/2004 sửa đổi lần 2 ngày 29/5/2008 của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội, sửa đổi lần 3 ngày 23/11/2012 chuyển mã số doanh nghiệp thành 0101508664, sửa đổi lần 4 ngày 18/8/2014 thay đổi vốn điều lệ thành 108.000.000.000 đồng.

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp có trụ sở chính tại số 72 Đường Trường Chinh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Toàn bộ phần sản xuất và phần lớn khối văn phòng hoạt động tại Lô 3, CN3, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội.

Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp là Công ty cổ phần do các cổ đông góp vốn và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 108.000.000.000đồng.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: sản xuất và thương mại

### 3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

- In bản đồ, sách báo, văn hoá phẩm, tem nhãn bao bì và các tài liệu phục vụ cho sự phát triển của các ngành kinh tế.

- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in,....

- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

### 4. Cấu trúc doanh nghiệp:

4.1.Công ty có đầu tư 100% vốn vào 2 công ty con:

- Công ty TNHH bao bì APP Hưng yên: vốn đầu tư 27.000.000.000 đồng (Hai mươi bảy tỷ đồng)

- Công ty TNHH công nghệ chống giả DAC: vốn đầu tư 5.400.000.000 đồng (Năm tỷ, bốn trăm triệu đồng)

4.2.Công ty có 1 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc được thành lập ngày



17/6/2015 tại địa chỉ: Đường C1, Khu CN phố nối A, xã Lạc Hồng, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng yên

## **II- KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN:**

### **1. Kỳ kế toán:**

Kỳ kế toán hàng năm bắt đầu từ ngày 1/1; kết thúc ngày 31/12

Kỳ báo cáo quý 2/2015 của Công ty bắt đầu từ ngày 1/4/2015 đến ngày 30/6/2015

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)**

## **III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng. .

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính theo hình thức chứng từ ghi sổ.

## **IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG:**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào chi phí tài chính hoặc doanh thu tài chính và được kết chuyển vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:**

Các khoản đầu tư vào Công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ Công ty con được ghi vào kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ.

Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



### **3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 và Thông tư sửa đổi bổ sung số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ trích lập, sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại đơn vị.

### **4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:**

Nguyên vật liệu, hàng hoá tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị nguyên vật liệu xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Thành phẩm tồn kho ngày 30/6/2015 được xác định bằng 70% giá bán thực tế của các sản phẩm tương ứng (tương đương giá thành công xưởng).

Sản phẩm dở dang tại ngày 30/6/2015 được kiểm kê thực tế tại từng bộ phận và xác định giá trị bằng giá trị thực tế của các sản phẩm hoàn thành tương ứng.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định :**

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Thời gian khấu hao ước tính như sau:

<b>Loại tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3-16
Máy móc, thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải	3-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-4



## **6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại và các năm tiếp theo được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong nhiều năm gồm có:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và có thể sử dụng trong nhiều kỳ kế toán;
- Các chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại để chọn phương pháp và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh hợp lý. Phương pháp phân bổ là theo phương pháp đường thẳng.

## **7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:**

Các khoản nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ, có đầy đủ chứng từ gốc ghi nhận quá trình phát sinh các khoản nợ và quá trình thanh toán.

## **8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay từ các khoản vay ngắn hạn và trung hạn được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”

Chi phí đi vay được tính vào giá trị của tài sản (được vốn hoá) cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng, bao gồm các khoản lãi tiền vay; phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt tội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

## **9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ kế toán như tiền điện; tiền nước; tiền lãi vay của hợp đồng vay trung hạn, nhưng được trả sau kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí phải trả để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán.

Khi các chi phí đó được thanh toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch

## **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của Chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được bổ sung từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các Nhà đầu tư dựa theo tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

#### **10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**

##### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện: hàng hoá đã được chuyển quyền sở hữu gắn liền với phần lớn rủi ro và lợi ích, khách hàng chấp nhận thanh toán và phát hành hoá đơn. Công ty đã xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó đã được xác nhận, khách hàng đã chấp nhận viết hoá đơn và thanh toán. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

##### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giảm trừ doanh thu:**

Là các giảm trừ do hàng bị lỗi khách hàng trả lại theo biên bản phản hồi; có phiếu nhập kho và khách hàng viết hoá đơn trả lại.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

Các khoản chi phí được ghi nhận bao gồm:



- Chi phí phục vụ trực tiếp cho quá trình bán hàng, quá trình quản lý trong kỳ.

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm tài chính là 22% theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam

### V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

#### 1- Tiền

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/06/2015
	VND	VND
Tiền mặt	198,110,369	763,295,242
Tiền gửi ngân hàng	24,576,068,387	8,853,145,541
<b>Tổng</b>	<b>24,774,178,756</b>	<b>9,616,440,783</b>

#### 2- Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	31/12/2014	30/06/2015
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	28,628,677,870	46,177,886,385
Công cụ, dụng cụ	879,996,062	712,218,062
Chi phí SXKD dở dang	4,437,526,875	2,364,530,646
Thành phẩm	3,769,286,060	9,300,910,292
Hàng hoá	7,184,940,523	7,268,077,342
<b>Tổng</b>	<b>44,900,427,390</b>	<b>65,823,622,727</b>

#### 3- Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 31/3/2015	44,457,966,884	259,159,133,370	2,583,818,553	12,759,008,074	318,959,926,881
Tăng trong kỳ		1,300,574,100		674,447,273	1,975,021,373
Giảm trong kỳ					
Tại ngày 30/6/2015	44,457,966,884	260,459,707,470	2,583,818,553	13,433,455,347	320,934,948,254
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 31/3/2015	21,457,837,557	147,658,465,531	1,675,453,559	6,379,038,648	177,170,795,295
Trích khấu hao kỳ	1,256,612,076	13,603,780,965	115,163,259	732,025,241	15,707,581,541
Thanh lý, nhượng bán					
Tại ngày 30/6/2015	22,714,449,633	161,262,246,496	1,790,616,818	7,111,063,889	192,878,376,836
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 31/3/2015	21,743,517,251	110,698,907,760	793,201,735	5,655,990,424	138,891,617,170
Tại ngày 30/6/2015	21,743,517,251	99,197,460,974	793,201,735	6,322,391,458	128,056,571,418

#### 4- Tài sản dở dang dài hạn:

Quý 2 năm 2015, Công ty có 02 khoản đang hạch toán vào tài khoản tài sản dở dang dài hạn tổng cộng: 2.170.218.182đồng. Trong đó:

1 - Tiền trúng quyền sử dụng đất dịch vụ tại cụm công nghiệp Ngọc Hồi theo quyết định số 4110/QĐ-STC ngày 19/9/2009. Số dư của hạng mục đầu tư này đến 31/12/2014 là 1.688.400.000đồng. Số dư này được chuyển tiếp đến 30/6/2015.

2- Giá trị xe ô tô Suzuki swift trị giá: 481.818.182đồng chờ làm các thủ tục đăng ký với cơ quan chức năng.

#### 5- Đầu tư tài chính dài hạn:

Tại ngày 31/6/2015 Công ty có hai khoản đầu tư tài chính là đầu tư vốn vào 2 Công ty con:

Công ty TNHH Bao bì APP Hưng Yên(sở hữu 100% vốn)	31/12/2014	30/6/2015
	VND	VND
	27 000 000 000	27.000.000.000
Công ty TNHH công nghệ chống giả DAC (Sở hữu 100% vốn)	5.400.000.000	5.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.400.000.000</b>	<b>32.400.000.000</b>

#### 6- Chi phí trả trước:

Chỉ tiêu	30/6/2015
	VND
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>2,676,750,729</b>
Tăng trong kỳ	2,483,139,405
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	2,086,224,665
<b>Tại ngày 30/6/2015</b>	<b>3,073,665,469</b>

Chi phí trả trước dài hạn phát sinh trong kỳ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí có tính đến thực tế các năm trước.

#### 7- Các khoản vay và nợ ngắn hạn:

Chỉ tiêu	31/12/2014	30/6/2015
	VND	VND
Vay ngắn hạn	36,273,205,506	28,977,060,767
Gốc vay dài hạn đến hạn		-
<b>Tổng</b>	<b>36,273,205,506</b>	<b>28,977,060,767</b>



**8- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:**

Chỉ tiêu	31/12/2014	30/6/2015
	VNĐ	VNĐ
Thuế GTGT	1,055,527,015	615,429,521
Thuế xuất nhập khẩu		
Thuế thuê đất	-	35,235,000
Thuế TNCN	66,268,947	24,757,696
Thuế TNDN	6,198,715,613	3,755,542,776
Các loại thuế khác	846,811,452	1,196,199,509
<b>Tổng</b>	<b>8,167,323,027</b>	<b>5,627,164,502</b>

**9- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:**

Chỉ tiêu	31/12/2014	30/06/2015
	VNĐ	VNĐ
Tài sản thừa chờ xử lý		
Kinh phí công đoàn	1,104,232,887	1,199,260,947
BHYT, BHXH	48,987,056	115,228,583
Bảo hiểm thất nghiệp	10,961,233	18,126,732
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6,132,786,302	8,913,835,289
Phải thu khác (dư có)	28,293,195	7,000,000
<b>Cộng</b>	<b>7,325,260,673</b>	<b>10,253,451,551</b>

**10- Các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn:**

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà nội, PGD Ba Đình gồm:

- Theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 1503LAV201400025 ngày 27/01/2014, mục đích mua máy máy in Flexo Gallus

Tổng cộng các khoản vay trên có số dư như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2014	30/6/2015
	VNĐ	VNĐ
<b>Vay trung hạn ngân hàng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

## 11- Vốn chủ sở hữu

### a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
A	1	2	3	4	5
Số dư 31/12/2014	108,000,000,000	14,860,929,638	44,012,980,687	6,540,920,622	40,264,509,661
Tăng vốn năm nay	-				
Lợi nhuận tăng trong kỳ			23,152,480,199		25,085,709,075
Chia cổ tức trong kỳ					21,600,000,000
Giảm vốn trong kỳ khác				6,540,920,622	19,297,059,101
Số dư 30/6/2015	108,000,000,000	14,860,929,638	67,165,460,886	-	24,453,159,635

(\*) trong đó giảm khác bao gồm:

- Trích lập các quỹ: 18.631.696.661đ

- Chi trả thành viên HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành: 130.763.000đ

- Chi nộp phạt tiền thuế: 534.599.440đ

### b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết	Vốn đã góp			
	31/12/2014		30/6/2015	
	VND	%	VND	%
Cổ đông lớn:				
- Công ty chứng khoán NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam	20 000 000 000	18.52	10 000 000 000	9.26
- Cổ đông khác	88 000 000 000	81.48	98 000 000 000	90.74
<b>Tổng</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>108.000.000.000</b>	<b>100</b>

## 12 - Doanh thu

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	VND	VND
<b>Cộng</b>	<b>140 786 827 978</b>	<b>149 296 728 505</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm	112 488 743 518	122 568 707 660
+ Doanh thu bán hàng hóa, vtư	6 383 379 700	5 025 744 500
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	21 914 704 760	21 702 276 345

## 13- Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	VND	VND



- Các khoản giảm trừ	134 997 340	47 809 850
+ Chiết khấu thương mại		
+ Giảm giá hàng bán		
+ Hàng bán bị trả lại	134 997 340	47 809 850

#### 14- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Cộng</b>	<b>140 651 830 638</b>	<b>149 248 918 655</b>
+ Doanh thu bán thành phẩm	112 353 746 178	122 520 897 810
+ Doanh thu bán hàng hóa, vtr	6 383 379 700	5 025 744 500
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	21 914 704 760	21 702 276 345

#### 15- Giá vốn hàng bán

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
	117 132 359 806	124 759 828 344

#### 16- Doanh thu hoạt động tài chính

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu hoạt động tài chính	178 548 915	2 768 042 842

#### 17- Chi phí hoạt động tài chính

	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	1 455 362 087	1 261 326 972
Lỗ chênh lệch tỉ giá	98 080 428	24 105 972
<b>Tổng</b>	<b>1 455 362 087</b>	<b>1 285 432 944</b>

#### 18- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chỉ tiêu	Quý 2 - Năm 2014	Quý 2- Năm 2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng thu nhập	12 155 691 886	15 085 426 632
<i>Trong đó: Lợi nhuận các công ty con chuyển về</i>		2.700.000.000
<i>Thu nhập chịu thuế 2014</i>	12 155 691 886	12 385 426 632
Thuế phải nộp theo suất thuế TNDN 22%	2 674 252 215	2 724 793 859
<b>Thuế phải nộp</b>	<b>2 674 252 215</b>	<b>2 724 793 859</b>

#### 19- Những thông tin khác

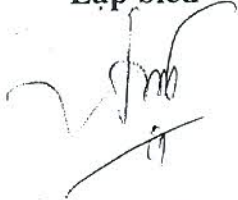
Thông tin về các bên liên quan:

\* Công ty TNHH Bao bì APP Hưng Yên(công ty con):

- Giá trị giao dịch bán hàng phát sinh Q2-2015: 6 462 242 110đồng

- Số dư phải thu 30/6/2015: 0 đồng
- \* Công ty cổ phần công nghệ chống giả DAC(công ty con)
- Giá trị giao dịch bán hàng phát sinh Q2-2015: 1 568 932 516đồng
- Số dư phải thu 30/6/2015: 329 206 222đồng

Lập biểu



Đào Thu Hoài

Kế toán trưởng



Tạ Thị Tuyết Nga

